TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TN** **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/DS-ST
Ngày: 07/02/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Dung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Mừng
2. Bà Nguyễn Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN *tham gia phiên toà: Bà Trần Kim Hồng* - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN,xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 464/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Thùy T, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Số 26, tổ 5, khu phố 1, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh TN (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phan Minh T, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Số 993, đường CMTT, khu phố HB, phường HN, thành phố TN, tỉnh TN (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Số 512, đường LLQ, khu phố x, phường x, thành phố TN, tỉnh TN (vắng mặt – có đơn xin giải quyết vắng mặt).

3.2 Bà Võ Tinh A, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Số 961, đường CMTT, khu phố HB, phường HN, thành phố TN, tỉnh TN (vắng mặt – có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2017 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị Thùy T trình bày:

Nguyên vào ngày 25/4/2017 âm lịch (AL) là ngày 20/5/2017 dương lịch (DL) chị T có cho ông T vay số tiền 1.400.000.000 (một tỷ bốn trăm triệu) đồng để làm ăn, lãi suất thỏa thuận 10.000.000 đồng/tháng (tương đương 0,715%/tháng), thời hạn cho vay là 02 tháng. Từ ngày vay đến nay, ông T có trả cho chị T 02 tháng tiền lãi là 20.000.000 đồng rồi ngưng không trả lãi tiếp và không trả tiền gốc cho chị T dù chị T nhiều lần yêu cầu.

Nay chị T khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền gốc 1.400.000.000 đồng, yêu cầu tính tiền lãi quá hạn từ ngày 20/7/2017 DL cho đến khi xét xử. Chị T không yêu cầu ai khác cùng ông T trả số tiền trên cho chị T.

** Tại các biên bản lấy lời khai,biên bản đối chất, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Phan Minh T trình bày:*

Ông T xác nhận ông có viết và ký tên trong giấy nợ ngày 20/5/2017 DL cho chị T nhưng thực tế ông không có vay tiền của chị T và bà H. Do cháu của ông là bà Võ Tinh A có mượn 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông để vay bà Lê Thị Kim H (mẹ chị T) số tiền 10.000.000 đồng vào năm 2010. Sau đó, bà Tinh A không có tiền trả nên ông có đến gặp bà H trả tiền để lấy giấy CNQSDĐ về nhưng bà H không đồng ý và tính lãi cho đến nay. Đến 20/5/2017 DL, bà H buộc ông phải viết giấy nợ số tiền 1.400.000 đồng cho chị T. Ông T trình bày số nợ 1.400.000.000 đồng là tiền lãi nhưng ông không có chứng cứ chứng minh. Nay ông T không đồng ý trả cho chị T số tiền trên.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/11/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà - Lê Thị Kim H trình bày:*

Bà H xác nhận trước đây Bà có cho ông T, bà Tinh A vay tiền. Ông T đã trả nợ cho Bà xong, bà Tinh A còn thiếu tiền bà và có mượn giấy CNQSDĐ của ông T thế chấp cho Bà để vay tiền.

Số tiền 1.400.000.000 đồng chị T khởi kiện yêu cầu ông T trả nợ là tiền của chị T, do chị T ở xa nên mỗi tháng ông T có đưa tiền lãi cho bà để giao lại cho chị T nên bà có nhận của ông T 02 tháng tiền lãi là 20.000.000đ và đã giao lại cho chị T. Nay bà không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/10/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Võ Tinh A trình bày:*

Bà Tinh A xác nhận có vay tiền của bà H nhiều lần, trong đó, vào năm 2010 Bà có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T để vay bà H số tiền 10.000.000đ nhưng Bà đã trả dứt điểm cho bà H số tiền trên vào năm 2011. Sau đó, bà Tinh A không biết ông T và bà H có giao dịch, làm ăn gì với nhau nữa hay không. Nay Bà không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN phát biểu quan điểm đối với việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, buộc ông T trả số tiền gốc là 1.400.000..000 đồng, trả tiền lãi theo yêu cầu của chị T là phù hợp. Ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị T cho ông T vay số tiền 1.400.000.000 đồng, có viết giấy nợ ghi ngày 20/5/2017 DL. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do ông T hiện đang tạm trú tại số 993, đường CMTT, khu phố HB, phường HN, thành phố TN, theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Tính từ ngày vay 20/5/2017 đến ngày chị T khởi kiện 28/9/2017 chưa quá 03 năm, theo quy định tại. Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản vẫn còn.

[3] Về nội dung: Chị Đặng Thị Thùy T có cho ông Phan Minh T vay số tiền 1.400.000.000 đồng là có thật và hoàn toàn tự nguyện, thể hiện bằng giấy vay tiền ghi ngày 20/5/2017 DL, ông T xác nhận giấy nhận nợ trên là do ông viết và ký (BL 27, 31). Khi vay, hai bên thỏa thuận số tiền vay là 1.400.000.000 đồng, đóng tiền lãi mỗi tháng 10.000.000 đồng (tương đương 0,715%/tháng), thời hạn cho vay là 02 tháng trả lại. Từ ngày vay đến nay, ông T có trả cho chị T 02 tháng tiền lãi là 20.000.000đ tính đến ngày 20/7/2017, bà H là mẹ của chị T nhận dùm (BL 31) rồi ngưng không trả tiếp, dù chị T nhiều lần yêu cầu. Do ông T không trả tiền cho chị T như thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của chị T nên chị T khởi kiện yêu cầu ông T trả tiền cho chị T 1.400.000.000 đồng tiền gốc,và trả tiền lãi là phù hợp và có cơ sở.

Trong giấy mượn tiền thể hiện ông T có vay chị T số tiền là 1.400.000.000 đồng, đóng tiền lãi mỗi tháng là 10.000.000 đồng (tương đương lãi suất 0,715%/tháng) thời hạn trả tiền là 02 tháng. Trong giấy nhận nợ có ghi lãi suất và thời hạn trả nợ, ông T đã đóng lãi cho chị T 02 tháng là 20.000.000 đồng từ ngày vay 20/5/2017 đến ngày 20/7/2017, thỏa thuận về lãi suất giữa hai bên phù hợp

pháp luật nên số tiền lãi chị T đã nhận không tính lại. Tiền lãi được tính từ ngày 20/7/2017 đến ngày xét xử là ngày 07/02/2018 là 6 tháng 18 ngày, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng nên tiền lãi được tính như sau:

Số tiền 1.400.000.000 đồng x 1.0725%/tháng x 6 tháng 18 ngày = 99.099.000 đồng.

Tổng tiền lãi ông T phải trả cho chị T là 99.099.000 đồng.

Ông T có trách nhiệm trả cho chị T tổng số tiền 1.499.099.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.400.000.000 đồng, tiền lãi là 99.099.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của chị T, buộc ông T chịu án phí. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị T yêu cầu ông T trả số tiền gốc là 1.400.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn từ ngày 20/7/2017 cho đến khi xét xử được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông T phải chịu toàn bộ án dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là 56.973.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của chị Đặng Thị Thùy T đối với ông Phan Minh T.

Buộc ông Phan Minh T trả cho chị Đặng Thị Thùy T số tiền 1.499.099.000 (một tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu không trăm chín mươi chín nghìn) đồng, trong đó tiền gốc là 1.400.000.000 (một tỷ bốn trăm triệu) đồng, tiền lãi là 99.099.000 (chín mươi chín triệu không trăm chín mươi chín nghìn) đồng.

2. Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm dân sự: Ông Phan Minh T chịu 56.973.000 (năm mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn) đồng.

Chị Đặng Thị Thùy T không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả cho chị T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng theo biên lai thu số 0004577 ngày 10/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh TN, đương sự vắng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Mai Dung